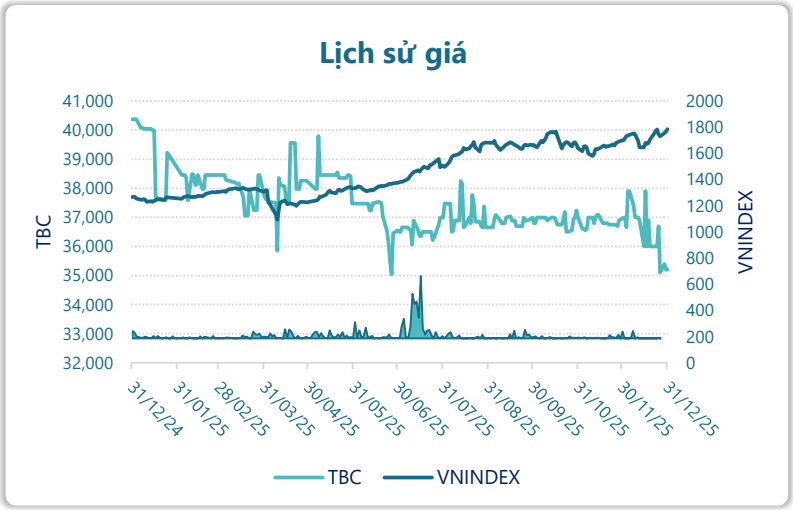
FireAnt

CTCP Thủy điện Thác Bà (HSX: TBC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**35,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	40,373
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	35,044
SL cổ phiếu LH	63,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,610
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,235
P/E	11.6
EPS	3,027

DT thuần

Q4/25

132

tỷ VNĐ

QoQ: ▼42.0| -24.1%

YoY: ▼4.00| -2.9%

LN sau thuế

Q4/25

52.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼28.7| -35.4%

YoY: ▲ 3.60| 7.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

53.0%

+/- YoY: ▲ 1.9%

DT thuần

2025

563

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 24.0| 4.5%

LN sau thuế

2025

255

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.0| 11.7%

ROE

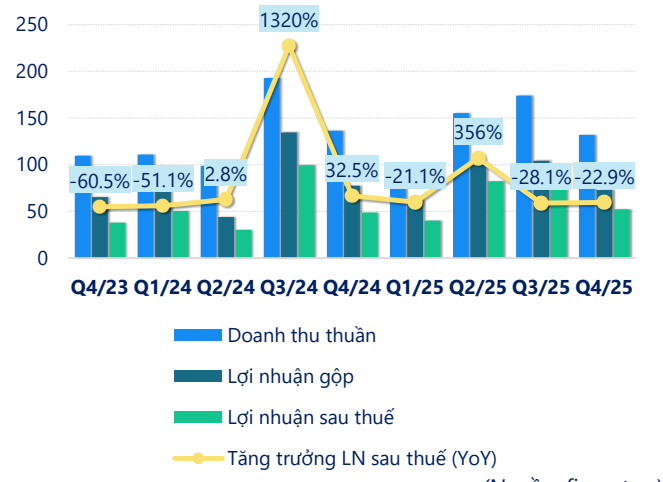
2025

13.5%

+/- YoY: ▲ 0.4%

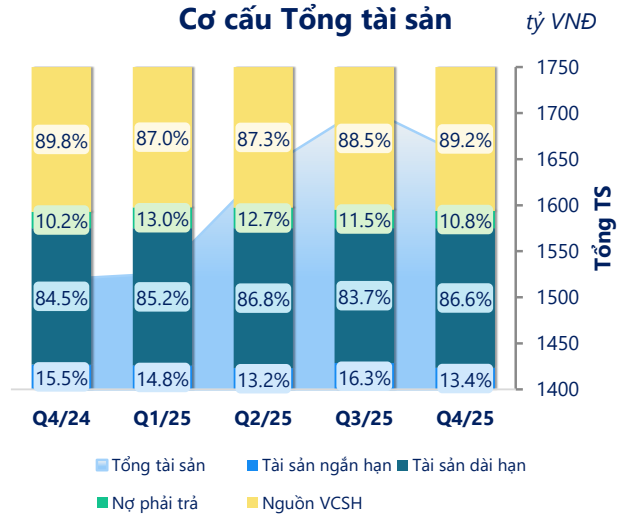
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



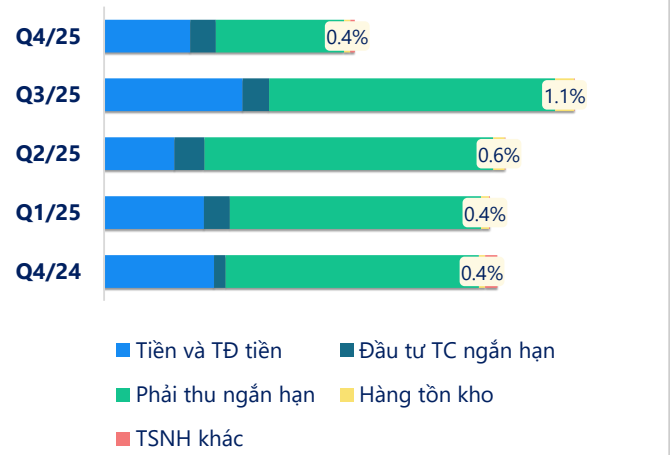
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



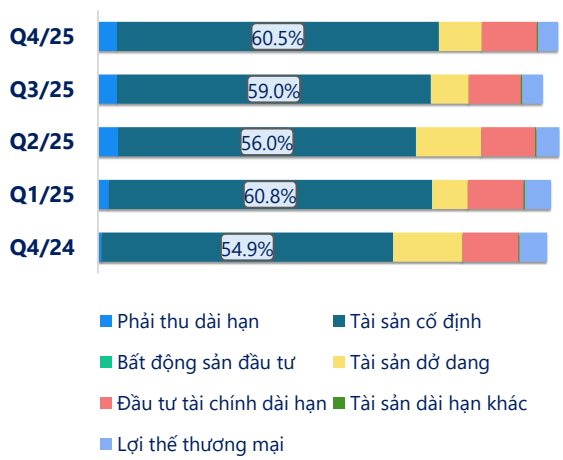
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



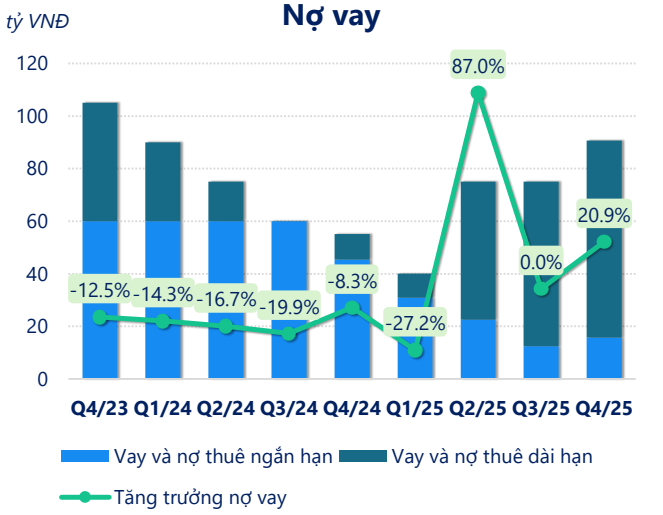
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



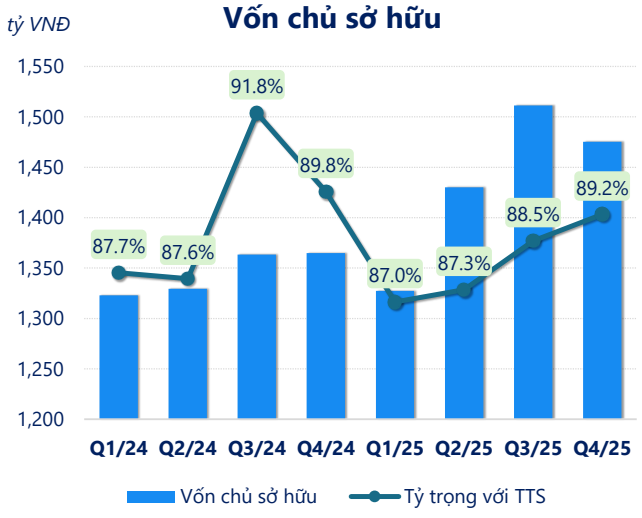
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



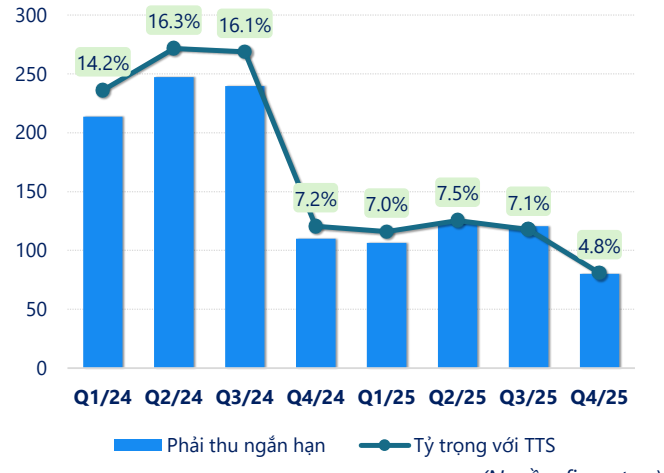
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



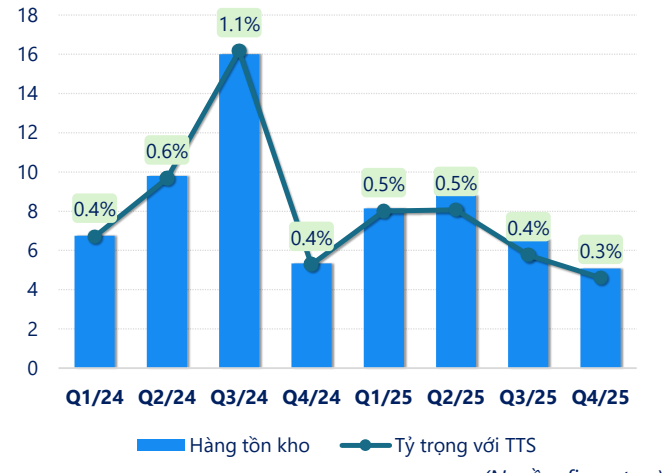
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



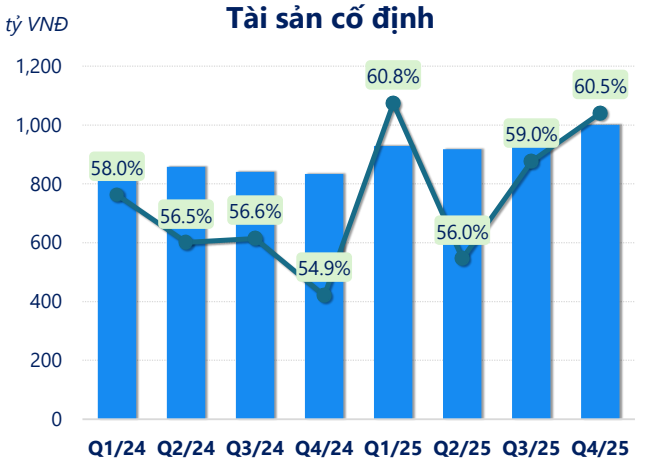
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



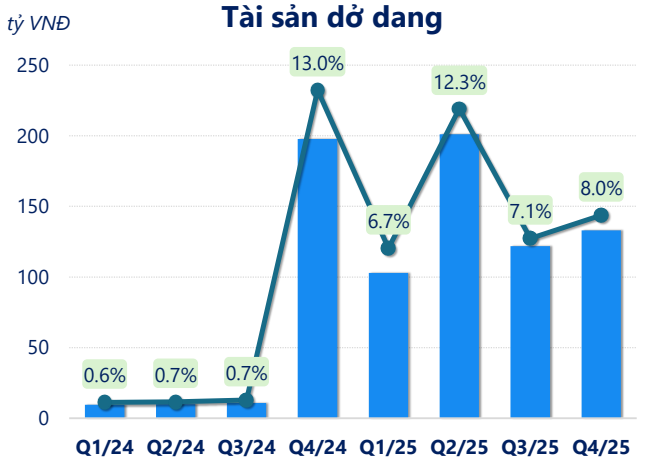
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



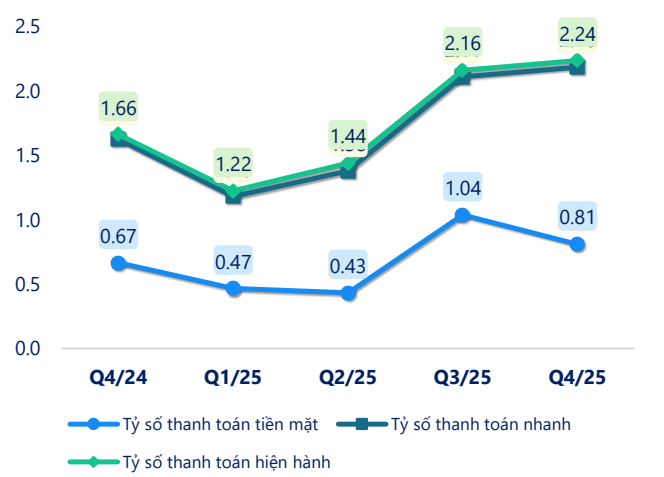
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



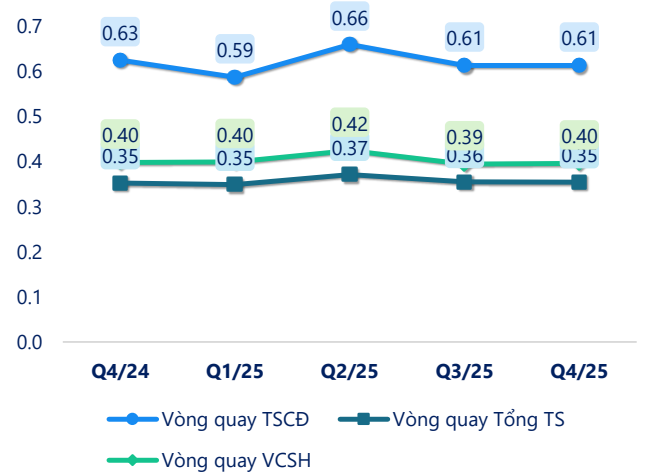
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,520**	**1,526**	**1,638**	**1,707**	**1,653**
Tài sản ngắn hạn	**235**	**226**	**216**	**278**	**222**
Tiền và tương đương tiền	94.3	86.0	65.0	133	80.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.0	20.3	13.7	13.7	55.7
Phải thu ngắn hạn	110	106	123	121	80.1
Hàng tồn kho	5.34	8.15	8.81	6.56	5.08
Tài sản ngắn hạn khác	3.75	5.10	5.65	3.70	0.93
Tài sản dài hạn	**1,284**	**1,300**	**1,422**	**1,429**	**1,431**
Phải thu dài hạn	10.0	30.0	62.0	60.5	59.0
Tài sản cố định	834	928	917	1,007	1,001
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	198	103	201	122	133
Đầu tư tài chính dài hạn	160	159	166	167	171
Tài sản dài hạn khác	3.30	4.17	4.60	4.78	4.18
Lợi thế thương mại	79.2	75.1	71.0	66.9	62.8
Nợ phải trả	**155**	**198**	**208**	**195**	**178**
Nợ ngắn hạn	**142**	**184**	**150**	**129**	**99.4**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.4	30.8	22.5	12.5	15.8
Phải trả người bán ngắn hạn	27.0	26.4	44.4	27.1	29.1
Nợ dài hạn	13.2	14.0	57.5	66.8	78.8
Vay và nợ thuê dài hạn	9.68	9.26	52.5	62.5	74.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,365**	**1,327**	**1,430**	**1,511**	**1,475**
Vốn chủ sở hữu	**1,365**	**1,327**	**1,430**	**1,511**	**1,475**
Vốn điều lệ	635	635	635	635	635
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)